



CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2005

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NHÀ HÀ NỘI

Các báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 và Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP có hiệu lực từ ngày 6 tháng 6 năm 1992 trong thời hạn 99 năm.

Kể từ khi thành lập, vốn cổ đông của Ngân hàng đã được tăng tại các thời điểm sau:

<i>Vốn tăng lên (triệu đồng)</i>	<i>Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo</i>	<i>Ngày</i>
50.000	Quyết định số 58/QĐ-NHNN5	18 tháng 03 năm 1996
57.000	Quyết định số 443/1999/QĐ-NHNN5	21 tháng 12 năm 1999
63.170	Quyết định số 424/2000/QĐ-NHNN5	22 tháng 09 năm 2000
70.000	Quyết định số 498/2000/QĐ-NHNN5	05 tháng 12 năm 2000
71.044	Quyết định số 87/NHNN-QLTD	05 tháng 02 năm 2002
80.000	Quyết định số 576/NHNN-QLTD	06 tháng 09 năm 2002
120.000	Quyết định số 170/NHNN-QLTD	07 tháng 04 năm 2003
200.000	Quyết định số 45/NHNN-HAN7	11 tháng 02 năm 2004
300.000	Quyết định số 89/NHNN-HAN7	21 tháng 01 năm 2005

Ngân hàng được thành lập để tiến hành các hoạt động ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân, cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá; cung cấp các dịch vụ cho các khách hàng; và các dịch vụ ngân hàng khác khi được NHNN cho phép.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 của Ngân hàng là 75.190 triệu đồng Việt Nam (năm 2004: 45.657 triệu đồng Việt Nam).

Trong năm, Ngân hàng đã chi trả cổ tức là 34.000 triệu đồng Việt Nam (năm 2004: 22.287 triệu đồng Việt Nam), lợi nhuận chưa phân phối còn lại là 70.515 triệu đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Theo Quyết định 73/NHNN-HAN7 ngày 24 tháng 1 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà Nội, Ngân hàng được phép tăng mức vốn điều lệ từ 300.000 triệu đồng lên 500.000 triệu đồng. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, toàn bộ số cổ phần mới bao gồm phần thặng dư đã được góp đầy đủ với số tiền là 230.000 triệu đồng.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội ("Công ty") là công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn đã được cấp giấy phép kinh doanh vào tháng 11 năm 2005 nhưng đến đầu năm 2006 Ngân hàng mới thực hiện chuyển vốn để Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Đường Tuấn	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Nguyễn Văn Bằng
Chủ tịch



Đỗ Trọng Thắng
Thành viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Số tham chiếu: 21007/21105

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng Cân đối Kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại và Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đi kèm (các "báo cáo tài chính") cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 5 đến trang 43. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Ngoại trừ vấn đề được thảo luận dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Các thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm các thông tin về hoạt động của Ngân hàng dựa trên cơ sở các thông tin hiện có của Ngân hàng. Tuy nhiên, những thông tin này hiện không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Các thuyết minh này không bao gồm thuyết minh về phân tích kỳ đáo hạn của tài sản và công nợ theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 22 - "Trình bày bổ sung Báo cáo Tài chính của Ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự".

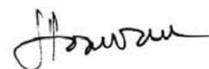
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu ở trên, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và theo các nguyên tắc kế toán và tài chính có liên quan do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.



Trần Đình Cường
Phó Tổng Giám Đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Chứng chỉ kiểm toán số 0135/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2006



Võ Tấn Hoàng Văn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Chứng chỉ kiểm toán số 0264/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2005 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2004 triệu đồng</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	II.7	48.740	47.558
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	II.8	56.782	34.084
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác	II.9	26.440	13.607
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng	II.10	1.083.354	903.362
Đầu tư vào chứng khoán	II.11	858.634	298.475
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	II.12	3.330.218	2.362.641
Dự phòng rủi ro tín dụng	II.13	(36.537)	(21.809)
Đầu tư góp vốn mua cổ phần	II.14	31.690	14.350
Tài sản cố định hữu hình	II.1.1	28.734	17.431
Bất động sản đầu tư	II.1.2	10.557	11.919
Tài sản cố định vô hình		3.043	1.366
Xây dựng dở dang và tài sản cố định chưa sử dụng		7.668	3.932
Các tài sản khác	II.15	75.468	41.389
		5.524.791	3.728.305
TỔNG TÀI SẢN			
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG			
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi thanh toán của các ngân hàng khác		12	3.615
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	II.16	343.826	72.000
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng	II.17	1.462.272	1.116.245
Các nguồn vốn vay khác	II.18	46.618	35.995
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	II.19	3.096.275	2.169.531
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	II.4	11.772	10.342
Công nợ phải trả khác	II.20	172.552	67.030
		5.133.327	3.474.758
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			
VỐN CỔ ĐÔNG			
Vốn điều lệ	II.21	300.000	200.000
Các quỹ dự trữ	II.22	20.949	15.186
Lợi nhuận để lại		70.515	38.361
		391.464	253.547
		5.524.791	3.728.305
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CỔ ĐÔNG			
CÁC KHOẢN MỤC CẦN GHI NHỚ			
	II.33	385.274	446.806

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu lãi tiền gửi và cho vay	II.24	407.416	275.273
Chi phí trả lãi tiền vay và huy động vốn	II.25	(310.010)	(197.448)
THU NHẬP LÃI THUẦN		97.406	77.825
Thu từ các khoản phí và dịch vụ	II.26	17.375	11.084
Chi trả phí và dịch vụ	II.26	(1.748)	(1.322)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ		3.556	4.475
Lãi thuần từ đầu tư chứng khoán	II.27	58.487	19.237
Thu nhập cổ tức từ hoạt động đầu tư góp vốn mua cổ phần		1.527	387
Thu nhập khác		550	984
THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		177.153	112.670
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí nhân viên		(22.401)	(15.430)
Chi phí khấu hao	II.1	(6.190)	(3.496)
Các chi phí hoạt động khác	II.28	(30.682)	(20.866)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(59.273)	(39.792)
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG THUẦN		117.880	72.878
Dự phòng rủi ro tín dụng trích lập tăng trong năm	II.13	(14.783)	(12.412)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm		-	-
		(14.783)	(12.412)
LỢI NHUẬN THUẦN TRƯỚC THUẾ		103.097	60.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp	II.29	(27.907)	(14.809)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM		75.190	45.657
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM		38.361	20.531
Lợi nhuận để lại trước khi phân bổ		113.551	66.188
Trừ: Trích lập các quỹ theo quy định cho năm trước		(8.907)	(5.540)
Trả cổ tức đợt cuối cho năm trước		(16.000)	(11.087)
Trả cổ tức đợt I cho năm nay	II.22	(18.000)	(11.200)
Các khoản giảm khác		(129)	-
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM		70.515	38.361

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận thuần trước thuế		103.097	60.466
Điều chỉnh cho các khoản:			
Chi phí khấu hao		6.190	3.496
Dự phòng nợ khó đòi	II.13	14.783	12.412
Nợ khó đòi được xoá trong năm	II.13	(55)	(1.565)
Lợi nhuận hoạt động trước khi thay đổi vốn lưu động (Tăng)/Giảm tài sản hoạt động		124.015	74.809
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng		(177.620)	(137.822)
Đầu tư vào chứng khoán		(560.159)	(146.390)
Cho vay và tạm ứng khách hàng		(967.577)	(766.536)
Các tài sản khác		(34.079)	(21.529)
Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		271.826	72.000
Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng		299.580	(45.076)
Các nguồn vốn vay khác		10.623	21.195
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		926.924	720.664
Công nợ phải trả khác		102.947	24.732
		(3.520)	(203.953)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trong năm	II.4	(26.477)	(10.784)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh		(29.997)	(214.737)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Thu do thanh lý tài sản cố định		-	3
Chi xây dựng dở dang và mua sắm tài sản chưa sử dụng		(3.736)	(7.317)
Chi mua tài sản cố định		(17.808)	(330)
Chi đầu tư cho các doanh nghiệp khác		(21.580)	(1.590)
Rút vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác		4.240	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(38.884)	(9.234)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Vốn góp tăng trong năm	II.21	100.000	80.000
Sử dụng các quỹ dự trữ	II.22	(1.156)	(528)
Chi trả cổ tức trong năm		(34.000)	(22.287)
Các khoản khác		278	1.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		65.122	58.831

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2005 triệu đồng</i>	<i>2004 triệu đồng</i>
Tăng/(Giảm) thuần của tiền và các khoản tương đương		(3.759)	(165.140)
Số dư đầu năm của tiền và các khoản tương đương	II.30	(134.450)	30.690
Số dư cuối năm của tiền và các khoản tương đương	II.30	(138.209)	(134.450)

Bà Bùi Thị Mai

Bà Lê Cẩm Tú

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2006

Các thuyết minh từ I.1 đến II.36 là một phần của các báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP có hiệu lực từ ngày 6 tháng 6 năm 1992 trong thời hạn 99 năm.

Ngân Hàng được thành lập để tiến hành các hoạt động ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân, cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đối ngoại, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá; cung cấp các dịch vụ cho các khách hàng; và các dịch vụ ngân hàng khác khi được NHNN cho phép.

Vốn cổ phần

Kể từ ngày thành lập, vốn điều lệ của Ngân hàng đã liên tục được tăng tại các thời điểm sau:

<i>Vốn tăng lên (Triệu đồng)</i>	<i>Được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo</i>	<i>Ngày</i>
50.000	Quyết định số 58/QĐ-NHNN5	18 tháng 03 năm 1996
57.000	Quyết định số 443/1999/QĐ -NHNN5	21 tháng 12 năm 1999
63.170	Quyết định số 424/2000/QĐ-NHNN5	22 tháng 09 năm 2000
70.000	Quyết định số 498/2000/QĐ -NHNN5	05 tháng 12 năm 2000
71.044	Quyết định số 87/NHNN -QLTD	05 tháng 02 năm 2002
80.000	Quyết định số 576/NHNN -QLTD	06 tháng 09 năm 2002
120.000	Quyết định số 170/NHNN-QLTD	07 tháng 04 năm 2003
200.000	Quyết định số 45/NHNN -HAN7	11 tháng 02 năm 2004
300.000	Quyết định số 89/NHNN -HAN7	21 tháng 01 năm 2005

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Nguyễn Đường Tuấn	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2003

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2002
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc, được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005

ĐỊA ĐIỂM

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại B7 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có một (1) Trụ sở Chính, tám (8) chi nhánh ở Hà Nội, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh, và sáu (6) phòng giao dịch.

Chi tiết các chi nhánh của Ngân hàng như sau:

	<i>Địa chỉ</i>	<i>Được NHNN chấp thuận theo</i>
Trụ sở chính	B7 Giảng Võ, Hà Nội	Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.
Chi nhánh Hàm Long	67C Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	Quyết định số 90/2001/QĐ-NHNN ngày 7 tháng 2 năm 2001.
Chi nhánh Quảng Ninh	Phố Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Quyết định số 1286/2001/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 10 năm 2001.
Chi nhánh Thanh Quan	57 Phố Hàng Cót, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	Quyết định số 716/NHNN-TD ngày 12 tháng 12 năm 2001.
Chi nhánh Bắc Ninh	119 Trần Phú, Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.	Quyết định số 1422/NHNN-CNH ngày 18 tháng 12 năm 2002.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	83 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận I, TP Hồ Chí Minh	Quyết định số 440/NHNN-CNH ngày 6 tháng 5 năm 2003
Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	118 Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội.	Quyết định số 483/NHNN-HAN7 ngày 16 tháng 9 năm 2003
Chi nhánh Xuân Thủy	239 đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Quyết định số 325/NHNN-HAN7 ngày 25 tháng 6 năm 2003
Chi nhánh Vạn Phúc	2C Vạn Phúc, đường Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Quyết định số 361/NHNN-HAN7 ngày 30 tháng 5 năm 2005

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Ngân hàng có một công ty con. Chi tiết như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Được thành lập theo đăng ký kinh doanh số</i>	<i>Lĩnh vực hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng</i>
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Quốc gia.	Thị trường vốn	100%

Mặc dù Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nhà Hà Nội (Công ty) đã được cấp phép hoạt động trong năm 2005 nhưng đến đầu năm 2006 Ngân hàng mới thực hiện chuyển vốn cho Công ty và kể từ lúc đó Công ty mới thực sự tiến hành hoạt động kinh doanh. Do vậy, Ban Giám đốc Ngân hàng quyết định không lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

2 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày bằng triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"), được lập theo Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005, Quyết định số 1145/QĐ ngày 18 tháng 10 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3); và
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về Ban hành và Áp dụng Sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4).

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam

và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới áp dụng

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán (VAS) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ năm 2005 như sau:

- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế Thu nhập Doanh nghiệp;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 22 - Trình bày Bổ sung Báo cáo Tài chính của Ngân hàng và Tổ chức Tài chính Tương tự;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 - Các Sự kiện Phát sinh sau ngày Kết thúc Kỳ Kế toán năm;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa Niên độ;
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo Bộ phận; và
- Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi Chính sách Kế toán, Ước tính Kế toán và các Sai sót.

Những quy định này có hiệu lực trong năm 2005 và không yêu cầu điều chỉnh đối với các số dư năm trước. Tuy nhiên, một số khoản mục so sánh đã được phân loại lại trong báo cáo tài chính của Ngân hàng để thống nhất với cách trình bày trong năm hiện hành.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Cho vay và ứng trước cho khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng được thể hiện bằng số dư vào ngày cuối năm tài chính.

2.5 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định 493. Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

<i>Nhóm</i>	<i>Tên</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% trên tổng dư nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4 cộng với giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng sẽ được Ngân hàng duy trì và trích lập đầy đủ sau 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005.

Dự phòng rủi ro tín dụng được ghi nhận là chi phí trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại. Dự phòng rủi ro tín dụng được sử dụng để xử lý tổn thất tín dụng khi phát sinh. Ngân hàng thành lập Hội đồng xử lý rủi ro Tín dụng để xử lý rủi ro tín dụng đối với các khoản nợ thuộc nhóm 5, hoặc khách hàng là tổ chức, doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, hoặc cá nhân bị chết hay mất tích.

2.6 Đầu tư vào chứng khoán

(i) Chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn gồm tín phiếu, trái phiếu, công trái và trái phiếu do Chính phủ phát hành, các chứng khoán nợ do các ngân hàng quốc doanh khác và các tổ chức ở Việt Nam phát hành và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận lần đầu theo giá gốc, tương ứng với giá trị hợp lý bỏ ra để có được chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ một khoản giảm giá nào của loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

(iii) Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán ngoài các loại nêu trên, ban đầu được xác định theo giá gốc tương ứng với giá trị hợp lý bỏ ra để có được chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp lãi suất thực. Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Bất kỳ một khoản giảm giá nào của loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.7 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi giảm tài sản trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận là chi phí lãi được tính theo lãi suất thực tế.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi tăng tài sản trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận là thu nhập lãi được tính theo lãi suất thực tế.

2.8 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.9 Đầu tư góp vốn mua cổ phần

Các khoản đầu tư góp vốn được hạch toán theo giá gốc. Dự phòng sẽ được trích lập khi các khoản đầu tư có dấu hiệu bị giảm giá.

2.10 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Văn phòng và nâng cấp văn phòng	25 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là những bất động sản được sử dụng để cho thuê thay vì i) để sản xuất hay cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc phục vụ cho hoạt động quản lý; hoặc ii) bán đi trong kỳ kinh doanh.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận lần đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được ghi nhận sẽ được tính vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi mà doanh nghiệp có thể nhận được thêm lợi ích kinh tế trong tương lai so với đánh giá hiệu quả ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhà văn phòng 25 - 30 năm

Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị ròng thu được khi bán bất động sản đầu tư sẽ được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay bị quá hạn sẽ không được ghi nhận. Lãi dự thu bị quá hạn được chuyển ra tài khoản ngoại bảng cho đến khi thực thu.

Phí và hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh. Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê nhà do Ngân hàng sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

2.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận bằng giá trị dự kiến phải thu hoặc phải trả cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và luật thuế hiệu lực tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận theo phương pháp nợ phải trả cho những chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc công nợ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ công nợ thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc công nợ của giao dịch không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/(lỗ) tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai có sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hoặc công nợ của giao dịch không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/(lỗ) tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Ngân hàng phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các khoản ghi giảm này cần phải hoàn nhập khi xác định chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế.

2.14 Tiền và các khoản tương đương

Tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi thành lượng tiền xác định và đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao dịch; trừ đi các khoản tiền gửi của các ngân hàng khác đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày gửi.

2.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tài sản và các công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định vào ngày lập Bảng Cân đối Kế toán (xem danh mục tỷ giá quy đổi ngoại tệ sang đồng Việt Nam được áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2005 ở Thuyết minh số II.37). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được thực hiện thông qua nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh để hạch toán vào thu nhập và chi phí. Chênh lệch tỷ giá do quy đổi các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào thời điểm lập Bảng Cân đối Kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh và Lợi nhuận để lại.

2.16 Tài sản quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

2.17 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng được báo cáo trong vốn chủ sở hữu. Các ước tính này được thực hiện cần thiết phải dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản dự phòng sau này.

2.18 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên Bảng Cân đối Kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

II. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(xem phần Tiếng Anh trang 95 đến trang 110)